

Số: /2024/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường và chính sách hỗ trợ
cho người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường
cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 15 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC
ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí
sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Xét Tờ trình số 2437/TTr-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường và chính
sách hỗ trợ cho người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp
huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND*

ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường và chính sách hỗ trợ cho người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 15 (chuyên đề) thông qua ngày 06 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024; thay thế Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Tm, Tn (4).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc

QUY ĐỊNH

Nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường và chính sách hỗ trợ cho người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng 6 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của địa phương cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh.
- Quy định mức hỗ trợ đối với người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các Hội đoàn thể (cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (cấp xã); các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.
- Người làm việc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ vào công việc bảo vệ môi trường trên địa bàn huy động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường.

Chương II QUY ĐỊNH NHIỆM VỤ CHI VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG CHO CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

- Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:
 - Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của địa phương;
 - Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương (gồm: kiểm tra, giám sát việc phân loại rác tại nguồn; bao bì, trang thiết bị phục vụ cho việc phân loại và thu gom...).

c) Hỗ trợ xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương, bao gồm: nước thải đô thị (công trình xử lý nước thải do Nhà nước đầu tư) và các loại chất thải khác.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm: điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, ao thuộc trách nhiệm xử lý (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công).

3. Trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường.

b) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường gồm:

- Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường (không khí xung quanh, nước mặt lục địa, trầm tích đáy, đất, nước dưới đất và nước mưa axit...);

- Vận hành hệ thống quan trắc tự động liên tục (nước thải, nước mặt, nước dưới đất, không khí, khí thải, trạm điều hành trung tâm...);

- Vận hành hệ thống giám sát hình ảnh (camera) trực tuyến (nước thải, nước mặt, nước dưới đất, không khí, khí thải, hoạt động khai thác tài nguyên, trạm điều hành trung tâm...);

- Giám định chất thải; đo đạc nguồn thải (chất thải rắn, nước thải, khí thải, bụi và phóng xạ...) phục vụ công tác quản lý về tài nguyên và môi trường;

- Quan trắc tài nguyên nước dưới đất (quan trắc động thái nước dưới đất định kỳ, quan trắc động thái nước dưới đất tự động, quan trắc chất lượng nước dưới đất).

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của tỉnh theo quy định tại điểm a, b, c, đ, e, h khoản 3 Điều 73 của Luật Đa dạng sinh học.

b) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định thuộc trách nhiệm của tỉnh tại theo quy định tại điểm a, b, c, đ, e, h khoản 3 Điều 73 của Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học).

c) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện

kiểm kê khí nhà kính; thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.

d) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước trên địa bàn tỉnh.

đ) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh.

e) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn tỉnh.

6. Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường, phân loại rác tại nguồn cho tổ chức, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường (đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường), bao gồm:

a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.

b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật.

8. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh.

c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, ao trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn.

d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường.

e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường.

g) Xây dựng và duy trì hoạt động các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 4. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của địa phương.

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương (gồm: giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý; kiểm tra, giám sát việc phân loại rác tại nguồn; quản lý và vận hành các trạm trung chuyển; bao bì, trang thiết bị phục vụ cho việc phân loại và thu gom...).

c) Hỗ trợ xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương, bao gồm: chất thải rắn cống kênh; chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình; nước thải đô thị (công trình xử lý nước thải do Nhà nước đầu tư) và các loại chất thải khác.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm: điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, ao thuộc trách nhiệm xử lý (không bao gồm dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công).

3. Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường.

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của huyện và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường, về phân loại rác tại nguồn cho tổ chức, cộng đồng dân cư và Doanh nghiệp; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với

biến đổi khí hậu; chi khen thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học cho cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; thực hiện các Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành tài nguyên và môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các phòng ban chuyên môn và các Hội, Đoàn thể do cấp huyện tiến hành.

6. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của huyện theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, ao trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn.

b) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường.

d) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, giám sát đánh giá, và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường.

đ) Xây dựng và duy trì hoạt động các mô hình về bảo vệ môi trường (mô hình xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh - đô thị; tổ tự quản giữ gìn vệ sinh môi trường...), ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

g) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 5. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của địa phương.

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương (gồm: giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý; kiểm tra, giám sát việc phân loại rác tại nguồn; quản lý và vận hành các điểm tập kết; bao bì, trang thiết bị phục vụ cho việc phân loại và thu gom...).

c) Hỗ trợ xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của địa phương, bao gồm: chất thải rắn công kênh; chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình và các loại chất thải khác.

2. Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường;

3. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường, về phân loại rác tại nguồn cho tổ chức, cộng đồng dân cư và Doanh nghiệp; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; chi khen thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho tập thể, cá nhân theo quy định của pháp luật; thực hiện các Chương trình liên tịch về bảo vệ môi trường giữa ngành tài nguyên và môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các phòng ban chuyên môn và các Hội, Đoàn thể do cấp xã tiến hành.

5. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của xã theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, ao.

b) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường.

d) Tổ chức thu thập thông tin về môi trường, báo cáo môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng và duy trì hoạt động các mô hình về bảo vệ môi trường (mô hình xây dựng nếp sống văn hóa - văn minh - đô thị; tổ tự quản giữ gìn vệ sinh môi trường...), ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

Chương III

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO NGƯỜI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỖ TRỢ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 6. Đối tượng, nội dung hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ: người làm việc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ vào công việc bảo vệ môi trường trên địa bàn huy động hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản 1; khoản 2; khoản 3; khoản 4; khoản 5; điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 6 Điều 4 và điểm a, điểm b khoản 1;

khoản 2; khoản 3, khoản 4; điểm a, điểm b, điểm đ khoản 5 Điều 5 của Quy định này. Số lượng người hỗ trợ cụ thể như sau: không quá 10 người/thành phố; không quá 05 người/huyện; không quá 02 người/xã, phường, thị trấn.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ ngày công làm việc: 220.000 đồng/người/ngày.

b) Hỗ trợ tiền ăn trưa: 40.000 đồng/người/ngày.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành./.